

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-PT  
Ngày: 29-12-2020  
V/v “Ly hôn, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Phong

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nhân

Bà Lê Hồng Hạnh

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Hoàng Lực - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:***  
Ông Hà Văn Chuyên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn, chia tài sản chung”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXPT-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Hồ Hữu H, sinh năm: 1993 (có mặt)

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm: 1993 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 1, khu phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1958 theo giấy ủy quyền ngày 29/7/2020; địa chỉ: Tổ 5, khu phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Quang H, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 1, khu phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hồ Hữu H trình bày:***

Tôi và chị H sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào tháng 5/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, tôi và chị H chung sống với nhau tại tổ 1, khu phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không quan tâm đến gia đình chồng, không tôn trọng gia đình bên chồng dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay hai vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến nhau. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, hai vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Hữu Q, sinh ngày 08/3/2019. Khi ly hôn, tôi đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con chung, tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 02 tờ bản đồ số 69 với diện tích 958m<sup>2</sup>, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 cùng một số tài sản gắn liền với đất. Đây là tài sản do hai vợ chồng góp tiền mua năm 2017, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng. Khi ly hôn, tôi yêu cầu chia tài sản như sau: Lấy tổng giá trị tài sản quyền sử dụng đất cùng các tài sản gắn liền với đất chia cho tôi 200.000.000 đồng, chị H 400.000.000 đồng, giá trị còn lại thì chia đều cho tôi và chị H mỗi người một nửa, tôi yêu cầu nhận giá trị bằng tiền. Ngoài ra, hai vợ chồng có số tiền mặt là 70.000.000 đồng do chị H cất giữ, tôi yêu cầu chia đôi số tiền này, buộc chị H trả cho tôi số tiền 35.000.000 đồng.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng tôi không nợ ai và cũng không ai nợ hai vợ chồng tôi.

***\* Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:***

Tôi thống nhất với trình bày của anh H về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không có trách nhiệm với vợ con, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống về nhiều vấn đề dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không quan tâm đến nhau nữa nên anh H yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con chung: Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Hồ Hữu Q, sinh ngày 08/3/2019 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc N cho rằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là do anh H và chị H góp tiền mua chung trước khi kết hôn nên đây là tài sản riêng của anh H và chị H theo tỷ lệ

góp ban đầu, anh H góp 200.000.000 đồng, chị H góp 400.000.000 đồng tương đương anh H được 01 phần, chị H được 02 phần. Vì vậy, ông Nhung yêu cầu chia tài sản chung như sau: Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất (các tài sản do Hội đồng định giá, trừ bồn nước) chia làm 03 phần, chị H được 02 phần còn anh H 01 phần.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng, chị H đã trả nợ và chi tiêu trong gia đình hết nên không còn, nên không đồng ý yêu cầu của anh H về việc buộc chị H chia cho anh H số tiền 35.000.000 đồng.

***Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:***

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 29, 33, 34, 51, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Hữu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hồ Hữu H và chị Nguyễn Thị Hồng H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48 ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã Tân Khai, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung cháu Hồ Hữu Q, sinh ngày: 08/3/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Giao cho chị H quản lý, sử dụng thửa đất số 02 tờ bản đồ số 69 diện tích 927,2m<sup>2</sup> (trong đó có 400m<sup>2</sup> diện tích đất ở nông thôn, có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông có cạnh dài 15m, phía Tây giáp đất ông Đào Xuân Do có cạnh dài 62,73m; phía Nam giáp thửa số 620 có cạnh dài 14,91m; phía Đông giáp đất ông Hà Trọng Minh có cạnh dài 61,81m) (có sơ đồ kèm theo) và tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 (loại 6) kết cấu tường xây gạch, có tô sơn nước, mái lợp tôn, trần đóng la phong, nền gạch men có diện tích 134,6m<sup>2</sup>; 01 mái che cột sắt mái tôn diện tích 71,8m<sup>2</sup>; 01 tường rào xây gạch có tô, có diện tích 56,25m<sup>2</sup>; 01 hàng rào lưới B40 diện tích 102m<sup>2</sup>; 01 giếng đào; 01 giếng khoan; 01 cánh cổng di dời tại khu phố Tàu Ô, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Chị H phải thanh toán số tiền chênh lệch chia tài sản chung cho anh H là 684.870.400 đồng (sáu trăm tám tư triệu tám trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Hữu H về chia đôi số tiền 70.000.000 đồng.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, nguyên đơn anh Hồ Hữu H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần Bản án sơ thẩm số 64/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng theo đơn khởi kiện của anh Hậu.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng H kháng cáo một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Hữu Q mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 9/2020 đến 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng một lần. Chị H chỉ chấp nhận thanh toán cho anh H số tiền chia tài sản chung là 570.725.333 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng).

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Anh Hồ Hữu H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu theo đơn khởi kiện của anh, chia đôi tài sản chung anh được hưởng là 750.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Hồng H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Hữu Q mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 9/2020 đến 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng một lần. Chị H chỉ chấp nhận trả cho anh H số tiền 570.725.333 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi **ba** đồng).

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Hồ Hữu H và kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng H, giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Hồ Hữu H và chị Nguyễn Thị Hồng H làm trong thời gian luật định, phù hợp với Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh H thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và do các bên thừa nhận. Quyền sử dụng đất đứng tên anh Hồ Hữu H và Chị Nguyễn Thị Hồng H, thửa đất số 02 tờ bản đồ số 69 diện tích 927,2m<sup>2</sup> và các tài sản gắn liền với đất là do anh H và chị H góp tiền mua chung khi về chung sống với nhau, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H và chị Hải, theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình quy định thì xác định đây là tài sản chung của anh H và chị Hải. Hơn nữa, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Khi nhận chuyển nhượng đất này, chị H có đóng góp với số tiền 400.000.000 đồng, anh H đóng góp với số tiền 200.000.000 đồng. Như vậy, nguồn gốc hình thành tài sản chung cụ thể chị H có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập khối tài sản chung này, nên cấp sơ thẩm chia cho chị H nhiều hơn là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm anh H không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì nên yêu cầu kháng cáo của anh H không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng H thấy rằng: Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị H yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành 18 tuổi và cấp dưỡng một lần. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay công việc làm của anh H với mức lương thu nhập hàng tháng với số tiền 4.500.000 đồng, trừ đi bảo hiểm anh H chỉ còn khoảng 4.000.000 đồng. Cho nên, chị H yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là cao so với thu nhập hàng tháng của anh H. Về kháng cáo yêu cầu cấp dưỡng một lần: Hội đồng xét xử xét thấy anh H có thu nhập bình quân một tháng 4.000.000 đồng, mức thu nhập chỉ đảm bảo cuộc sống của anh H hàng tháng và một phần cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét đến mức thu nhập của anh H tuyên mức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Đối với yêu cầu yêu cầu chia tài sản chung: Chị H chỉ đồng ý chia cho anh H số tiền 570.725.333 đồng (năm trăm bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi **ba** đồng). Thấy rằng: Cấp sơ thẩm khi chia tài sản như đã nhận định ở phần trên đã xem xét đến công sức đóng góp, tôn tạo giá trị tài sản chung và chia cho chị H nhiều hơn anh H là có căn cứ. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm chị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Vì vậy, việc kháng cáo của chị H về phần tài sản chung không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của anh Hồ Hữu H và chị Nguyễn Thị Hồng H không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí: Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn anh Hồ Hữu H và bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Hồ Hữu H và bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng H.

2. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 29, 33, 34, 51, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Hữu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hồ Hữu H và chị Nguyễn Thị Hồng H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48 ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã Tân Khai, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung cháu Hồ Hữu Q, sinh ngày: 08/3/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Giao cho chị H quản lý, sử dụng thửa đất số 02 tờ bản đồ số 69 diện tích 927,2m<sup>2</sup> đứng tên anh Hồ Hữu H và chị Nguyễn Thị Hồng H (trong đó có 400m<sup>2</sup> diện tích đất ở nông thôn, có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông có cạnh dài 15m, phía Tây giáp đất ông Đào Xuân Do có cạnh dài 62,73m; phía Nam giáp thửa số 620 có cạnh dài 14,91m; phía Đông giáp đất ông Hà Trọng Minh có cạnh dài 61,81m) (có sơ đồ kèm theo) và sở hữu tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 4 (loại 6) kết cấu tường xây gạch, có tô sơn nước, mái lợp tôn, trần đóng la phong, nền gạch men có diện tích 134,6m<sup>2</sup>; 01 mái che cột sắt mái tôn diện tích 71,8m<sup>2</sup>; 01 tường rào xây gạch có tô, có diện tích 56,25m<sup>2</sup>; 01 hàng rào lưới B40 diện tích 102m<sup>2</sup>; 01 giếng đào; 01 giếng khoan; 01 cánh cổng di dời tại khu phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Chị H phải thanh toán cho anh H số tiền chênh lệch về chia tài sản chung là 684.870.400 đồng (sáu trăm tám mươi tư triệu tám trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Hữu H về chia đôi tài sản chung đối với số tiền 70.000.000 đồng.

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

### 3. Chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản: Chị H phải hoàn trả lại cho anh H số tiền là 10.200.000 đồng.

4. Về án phí sơ thẩm: anh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001975 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Anh H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 31.394.816 đồng (ba mươi một triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn tám trăm mười sáu đồng).

Chị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 42.819.168 đồng (bốn mươi hai triệu tám trăm mười chín ngàn một trăm sáu mươi tám đồng).

Anh H phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản không được chấp nhận là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

### 5. Về án phí phúc thẩm:

- Anh Hồ Hữu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002201 ngày 12/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002281 ngày 13/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được Thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải Thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án*



*dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.***

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Viết Phong**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nhân**

**Lê Hồng Hạnh**

**Lê Viết Phong**

